TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2017/DS-PT
Ngày: 25-12-2017
V/v: tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phước Thiền
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Kim Nga
Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 298/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 358/2017/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số nhà 378, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn:

1. Ông Lê Văn V, sinh năm 1967;

2. Bà Trịnh Thị Kim H, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Số nhà 305, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số nhà 135, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

3. Bà Phạm Thị L2 (H), sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

4. Bà Nguyễn Thị Đ (B), sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn V.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày:

Vào ngày 14/4/2017, vợ chồng ông Lê Văn V và bà Trịnh Thị Kim H đốt rơm ruộng lúa phía sau nhà của ông. Do chủ quan, ông V và bà H để lửa cháy nhà sau của ông. Trong nhà có các tài sản của ông và một số tài sản của một số người khác gửi tại nhà ông cũng bị cháy toàn bộ.

Sau khi sự việc xảy ra, ông đã trình báo Công an huyện T. Hội đồng định giá của UBND huyện T đã tiến hành định giá tài sản bị thiệt hại, cụ thể như sau:

- 01 căn nhà bằng gỗ tạp, mái lá, vách lá, diện tích 84,23m^2: 19.288.670đ.
- 01 giàn sườn máy cày IC90: 1.500.000đ.
- 01 máy dầu NS90: 2.500.000đ.
- 01 máy dầu SS90: 8.625.000đ.
- 01 dàn sắt xi SS90: 4.125.000đ.
- 01 máy dầu SS60: 5.250.000đ.
- 01 dàn sắt xi SS90: 2.625.000đ.
- 02 môtơ 1,5 HP Đức Hòa: 2.250.000đ.
- 01 xe Cub 50 đời 78: 1.500.000đ.
- 01 tủ cây đứng 02 ngăn có quần áo bên trong: 500.000đ.
- 01 bộ ván gỗ mật 2,4m x 1,5m, dày 5cm: 4.500.000đ.
- 01 tủ kẹt ban giê: 1.875.000đ.
- 01 tủ kẹt ban giê cũ: 300.000đ.
- 01 bếp gas lớn: 450.000đ.
- 01 bình gas lớn: 500.000đ.
- 04 bếp gas mini: 600.000đ.
- 01 ghế bàn vuông cây thao lao: 1.000.000đ.
- 01 ghế bàn tròn cây thao lao cũ: 600.000đ.
- 01 ghế bàn tròn cây tràm cũ: 100.000đ.
- 03 cái xoong, nồi lớn: 900.000đ.
- 02 cái xoong, nồi lớn khác: 300.000đ.
- 01 cái quạt máy nhỏ: 50.000đ.
- 02 cái quạt máy đứng: 300.000đ.
- 03 cái quạt máy loại trung: 300.000đ.

- 01 bao phân Urê: 365.000đ.
- 01 bao phân DAP: 670.000đ.
- 01 bình xịt máy: 2.400.000đ.
- 02 bình xịt (bình gặt tay) loại inox 16 lít: 1.000.000đ.
- 01 cái cân hiệu Nhơn Hòa loại 30kg: 150.000đ.
- 03 cái giường lớn loại gỗ tạp đã cũ: 150.000đ.
- 01 cái giường trẻ em tập đi: 500.000đ.
- 01 điện thoại di động hiệu Philip: 1.800.000đ.
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung: 600.000đ.
- 02 điện thoại di động hiệu Nokia: 2.400.000đ.
- 01 bộ đồ hớt tóc: 4.000.000đ.
- 02 cái kéo cắt kiếng: 500.000đ.
- 04 hộp sữa OPTIMUM 900 gram: 1.440.000đ.
- 01 bịch tã Baby: 320.000đ.
- 01 ti vi hiệu Panasonic 14 inch: 200.000đ.
- 01 nồi cơm điện hiệu Sharp: 480.000đ.
- 01 cuộn dây điện loại dây đơn 20 dài 50m: 560.000đ.
- 01 cuộn dây điện loại dây đơn 30 dài 50m: 700.000đ.
- 01 bộ cửa cây 04 cánh mua cũ: 500.000đ.
- 02 bộ cửa sổ: 1.000.000đ.
- 05 cây đòn tay bị cháy dài 03m: 750.000đ.
- 10 tấm tole xi măng: 600.000đ.
- 01 sợi dây chuyền vàng 18kara, trọng lượng 2,6 chỉ: 6.058.000đ.
- 01 chiếc nhẫn vàng 18kara, trọng lượng 1,1 chỉ: 2.563.000đ.
- Tiền mặt bị cháy: 7.600.000đ.

Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 96.344.670đ (làm tròn là 96.344.000đ). Công an huyện T không khởi tố vụ án hình sự.

Trong số các tài sản trên, có 04 tài sản là của những người khác gửi tại nhà của ông, gồm: 01 cái giường trị giá 150.000đ của bà Trần Thị L; 01 cái giường tập đi em bé trị giá là 500.000đ của bà Phạm Thị L2; 01 xe Cup đời 78 trị giá 1.500.000đ và 01 điện thoại hiệu Nokia trị giá 2.400.000đ của bà Nguyễn Thị Đ.

Ông V và bà H đã bồi thường cho ông 20.000.000đ; bồi thường cho bà Trần Thị L 1.200.000đ, bà L2 1.000.000đ, bà Đ 2.500.000đ, tổng cộng 24.700.000đ. Ông đồng ý khấu trừ số tiền 24.700.000đ vào tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 96.344.000đ. Ngoài ra, ông đã bán phế liệu một số vật dụng bị cháy được 2.170.000đ.

Theo đơn khởi kiện, ông C yêu cầu ông V bà H bồi thường số tiền 90.000.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C rút lại một phần yêu cầu khởi kiện

đối với giá trị tài sản bị thiệt hại là 20.526.000đ, chỉ yêu cầu ông V và bà H có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông số tiền 69.474.000đ.

Bị đơn bà Trịnh Thị Kim H và ông Lê Văn V trình bày:

Do chủ quan, bà H đốt rơm làm cháy nhà sau của ông C, gây thiệt hại tài sản của ông C và những người khác như ông C trình bày. Vợ chồng ông bà đã bồi thường cho ông C 20.000.000đ; bồi thường cho bà Trần Thị L, bà Đ, bà L2 số tiền 4.700.000đ. Nay vợ chồng ông bà chỉ đồng ý bồi thường cho ông C thêm số tiền 25.300.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L1 trình bày: Bà là vợ của Trần Văn C. Bà thống nhất với lời trình bày của ông C và không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L trình bày: Khi nhà ông C bị cháy, bà có gửi tại nhà ông C 01 cái giường. Bà H và ông V đã bồi thường cho bà 1.200.000đ, bà đã nhận số tiền này và không tranh chấp gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L2 trình bày: Khi nhà ông C bị cháy, con của ông C có mượn của bà 01 cái giường tập đi cho em bé. Bà H và ông V đã bồi thường cho bà 1.000.000đ, bà đã nhận số tiền này và không tranh chấp gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Khi nhà ông C bị cháy, bà có gửi tại nhà ông C 01 chiếc xe cúp 78 trị giá 3.000.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Nokia trị giá 1.500.000đ. Bà H và ông V đã bồi thường cho bà 2.500.000đ, bà đã nhận số tiền này và không tranh chấp gì thêm.

Vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T căn cứ khoản 6 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 217, 218, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 364, khoản 1 Điều 584, Điều 585, 587, 589, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C đối với ông Lê Văn V và bà Trịnh Thị Kim H về việc "tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản".

Buộc ông Lê Văn V và bà Trịnh Thị Kim H có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Trần Văn C và bà Phạm Thị L1 số tiền là 60.853.000đ.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C về việc yêu cầu ông Lê Văn V và bà Trịnh Thị Kim H bồi thường 3,7 chỉ vàng trị giá 8.621.000đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C đối với số tiền 20.526.000đ. Ông Trần Văn C được quyền khởi kiện lại vụ án đối với phần rút yêu cầu này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 11/10/2017, bị đơn ông Lê Văn V kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, ông chỉ đồng ý bồi thường cho ông C 25.300.000đ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn được làm trong thời hạn luật quy định, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Thông qua việc nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc xét xử tại phiên tòa phúc thẩm thấy rằng: Do bị đơn có hoàn cảnh khó khăn nên nguyên đơn đồng ý giảm 10.000.000đ, chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường 50.853.000đ và cho bị đơn trả dần. Bị đơn cũng thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của ông V được thực hiện trong thời hạn luật quy định, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Ông V kháng cáo chỉ đồng ý bồi thường cho ông C số tiền 25.300.000đ.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà H trình bày: Hiện nay gia đình bà đang khó khăn, ông V bị bệnh nên bà đề nghị vợ chồng ông C xem xét giảm một phần số tiền phải bồi thường từ 60.853.000đ xuống còn 50.853.000đ và xin được trả dần. Ông V cũng thống nhất với ý kiến của bà H.

Ông C bà L1 trình bày: Do hoàn cảnh gia đình ông V bà H khó khăn, ông V đang bị bệnh nên ông C bà L1 đồng ý giảm cho ông V bà H 10.000.000đ, chỉ yêu cầu ông V bà H bồi thường số tiền là 50.853.000đ. Ông C bà L1 đồng ý cho ông V bà H trả dần làm hai lần:

Lần 1: Ngày 25/01/2018, ông V bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông C bà L1 số tiền 20.000.000đ.

Lần 2: Ngày 31/10/2018, ông V bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông C bà L1 số tiền 30.853.000đ.

Ông V và bà H đồng ý với yêu cầu của ông C bà L1. Bà Trần Thị L, bà Phạm Thị L2 và bà Nguyễn Thị Đ cũng thống nhất với nguyên đơn, bị đơn và không có ý kiến gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Những phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị giữ nguyên.

Ông V được chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo, sửa án sơ thẩm nên không phải chịu án phí phúc thẩm. Do ông V có hoàn cảnh khó khăn nên được giảm 50% án phí sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn V.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

Căn cứ khoản 6 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 217, 218, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 364, khoản 1 Điều 584, Điều 585, 587, 589, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C đối với ông Lê Văn V và bà Trịnh Thị Kim H về việc "tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản" trị giá 20.526.000đ.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C đối với ông Lê Văn V và bà Trịnh Thị Kim H về việc "tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản" đối với 3,7 chỉ vàng trị giá 8.621.000đ.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Ông Lê Văn V và bà Trịnh Thị Kim H có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Trần Văn C và bà Phạm Thị L1 số tiền 50.853.000đ. Ông Lê Văn V và bà Trịnh Thị Kim H có nghĩa vụ thanh toán làm hai lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 25/01/2018, ông Lê Văn V và bà Trịnh Thị Kim H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn C và bà Phạm Thị L1 số tiền 20.000.000đ.

Lần 2: Ngày 31/10/2018, ông Lê Văn V và bà Trịnh Thị Kim H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn C và bà Phạm Thị L1 số tiền 30.853.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Ông Trần Văn C phải chịu 431.000đ án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 2.250.000đ tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai thu số 4771 ngày 21/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Hoàn trả cho ông C 1.819.000đ tiền tạm ứng án phí còn thừa.

Ông Lê Văn V và bà Trịnh Thị Kim H có nghĩa vụ chịu 1.271.325đ án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp theo biên lai thu số 4860 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Ông V và bà H có nghĩa vụ nộp tiếp 971.325đ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Phước Thiền